

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NĂM SAO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NĂM SAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110912986

3. Ngày thành lập: 11/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

B02-L17, KĐT Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972 764 366

Fax:

Email: moitruongnamsao@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Cho thuê cần trục có người điều khiển.	4390
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật)	7020
5.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật)	6619
6.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
7.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (trừ cho thuê tài chính)	7730
8.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
9.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511

10.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4512
11.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4530
13.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
16.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác theo quy định của pháp luật)	4620
19.	Bán buôn tổng hợp	4690
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc và kim loại quý khác (trừ vàng miếng); - Bán buôn dụng cụ y tế và máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn thiết bị, dụng cụ nhà bếp; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ gia dụng và đồ dùng khác cho gia đình.	4649
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị quang học, thiết bị và dụng cụ đo lường, thí nghiệm; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; máy công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị, linh kiện, nguyên phụ liệu sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, môi trường, thủy lợi và dịch vụ khác.	4659
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

24.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện; - Bán lẻ phụ tùng xe đạp, kể cả phụ tùng xe đạp điện. - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh, tượng, các tác phẩm nghệ thuật mang tính thương mại và hàng hóa mới khác (loại trừ vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí, cổ vật và hàng hóa Nhà nước cấm).	4773
25.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
29.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
32.	Quảng cáo	7310
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710
34.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
35.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
36.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
37.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
38.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
39.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
40.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
41.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa: Trồng cây lâu năm khác.	0129
42.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
48.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702

49.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
50.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa, PP, PE	2220
51.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
52.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng miếng)	2420
53.	Đúc sắt, thép	2431
54.	Đúc kim loại màu	2432
55.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
56.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
57.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hàng hóa từ nguồn gốc phế thải, tái chế phế liệu.	3290
58.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
59.	Khai thác và thu gom than non	0520
60.	Khai thác quặng sắt	0710
61.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
62.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
63.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
64.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
65.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
67.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa. (trừ: đại lý chứng khoán, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động đấu giá).	4610
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
69.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm)	2599
70.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (trừ sản xuất vàng miếng)	3211

71.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
72.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phương tiện, thiết bị, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn hóa chất công nghiệp, hóa chất sử dụng trong ngành y tế (trừ loại Nhà nước cấm); - Bán buôn than củi; - Bán buôn các sản phẩm hàng hóa từ nguồn gốc phế thải, tái chế phế thải; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669(Chính)
73.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ; - Cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái; - Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện môi trường, công nghệ môi trường; công nghệ tiết kiệm năng lượng, sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; - Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng; - Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ; - Giám định thiệt hại về môi trường, đa dạng sinh học; giám định các chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người; - Tư vấn lập dự án đánh giá tác động môi trường, quan trắc, phân tích môi trường, các dịch vụ môi trường khác.	7490
74.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm.	3900

75.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;	7120
76.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
77.	Thu gom rác thải độc hại	3812
78.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
79.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
80.	Tái chế phế liệu	3830
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Hoạt động xử lý chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, vệ sinh khai thông cống rãnh, bồn nước, hút bồn cầu và các hoạt động xử lý chất thải khác.	3700
83.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải.	4933
84.	Phá dỡ	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4312
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn thi công các công trình xử lý môi trường; - Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình.	7110
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: - Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; - Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như: + Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...+ Sơn đường và các hoạt động sơn khác, + Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự; - Xây dựng cầu, hầm; - Xây dựng đường băng sân bay, sân đỗ máy bay.	4212
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình thủy	4291
94.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
95.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

96.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
97.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa trạm bơm, hệ thống thoát nước thải, nhà máy xử lý nước thải, hệ thống thủy lợi, hồ chứa.	4229
98.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
100.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
101.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung, + Hệ thống âm thanh, chiếu sáng, + Chuông báo cháy, + Hệ thống báo động chống trộm, + Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, + Đèn trên đường băng sân bay.	4329

6. **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG CÔNG HOÀN	Việt Nam	Phòng 1103 Nhà V1-Home City, Tổ 45 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.800.000.000	98,000	019082000559	
2	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	Việt Nam	TDP Chiềng, Phường Đắc Sơn, Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	200.000.000	2,000	019195006466	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: DƯƠNG CÔNG HOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019082000559

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1103 Nhà V1-Home City, Tổ 45 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1103 Nhà V1-Home City, Tổ 45 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội